

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2017

**TỜ TRÌNH LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN***V/v Phê duyệt khoản vay vốn trung, dài hạn từ IFC***Kính gửi: Quý Cổ đông**

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình;
- Căn cứ Nghị quyết số: 13/NQ-HDQT.17 ngày 12/9/2017 của Hội đồng Quản trị về việc lấy ý kiến cổ đông về khoản vay vốn từ IFC,

Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình – ABBANK (Trụ sở: 170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận I, TP Hồ Chí Minh; Mã số DN: 0301412222) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt giao dịch vay 150 triệu USD từ Tổ Chức Tài chính Quốc tế (IFC) như sau:

**1. Nhu cầu vốn trung dài hạn của ABBANK**

Theo chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2020 của ABBANK với định hướng tập trung phát triển bán lẻ và tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; tăng cường nguồn lực tài chính để phát triển đồng thời bảo đảm tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động, thực hiện các tiêu chuẩn Basel II, ABBANK cần huy động thêm nguồn vốn (trong đó có các nguồn vốn ngoại tệ dài hạn là nhu cầu thiết yếu hiện nay) phục vụ hoạt động kinh doanh và hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của Ngân hàng.

Trong thời gian qua, ABBANK đã làm việc với nhiều tổ chức tài chính khác nhau và lựa chọn IFC là đối tác cung cấp vốn vay lên đến 150 triệu USD, kỳ hạn 5 năm với lãi suất phù hợp.

**2. Nội dung chính của khoản vay**

- Giá trị khoản vay: đến 150 triệu USD, bao gồm Hợp phần A (vốn của IFC) trị giá 40 triệu USD, Hợp phần B của các đối tác khác do IFC là người dàn xếp trị giá 60 triệu USD, và Hợp phần Quyền chọn trị giá 50 triệu USD (sau khi giải ngân 100 triệu USD, ABBANK có thể vay thêm 50 triệu USD nếu có nhu cầu).
- Lãi suất: Libor 6 tháng + tối đa 3% / năm
- Kỳ hạn: 5 năm
- Tổng mức phí tương đương khoảng 0,32%/ năm tính trung bình cho cả thời hạn vay 5 năm.
- Chính sách khuyến khích giải ngân: IFC sẽ áp dụng chính sách khuyến khích khi ABBANK sử dụng ít nhất ba mươi phần trăm (30%) khoản vay của IFC hoặc tương đương với 45 triệu USD để cấp vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ. Nếu ABBANK đạt được các mục tiêu đã cam kết, hàng năm IFC sẽ hoàn trả 0,5% lãi suất dựa trên số vốn vay từ IFC được sử dụng để cho vay các doanh nghiệp này.



### 3. Phương án sử dụng vốn

#### 3.1 Nhu cầu vốn và định hướng phát triển dịch vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)

Theo định hướng chiến lược phát triển dịch vụ SME từ nay đến năm 2020, dư nợ của phân khúc này tại ngân hàng sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình hơn 25%/năm và trung bình hàng năm quy mô dư nợ sẽ tăng thêm khoảng 3.900 tỷ đồng. Kế hoạch phát triển phân khúc SME trong các năm tới như sau:

- Tăng trưởng dư nợ:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2016	2017	2018	2019	2020	CAGR
Dư nợ (A)	8.107	12.249	15.311	19.139	23.924	25%
Tăng dư nợ ròng	1.154	4.142	3.062	3.828	4.785	
Tăng trưởng năm (%)	14%	34%	20%	20%	20%	

- Tăng trưởng huy động:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2016	2017	2018	2019	2020	CAGR
Huy động (B)	3.091	4.590	6.197	8.365	11.293	40%
Tăng huy động ròng	710	1.499	1.607	2.168	2.928	
Tăng trưởng năm (%)	23%	33%	26%	26%	26%	
Tỷ lệ cho vay trên huy động của SME (%)	262%	267%	247%	229%	212%	

- Dự kiến khả năng đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho phân khúc SME

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2017	2018	2019	2020
Nhu cầu vốn cần tài trợ cho SME (A) - (B)	7.659	9.114	10.774	12.631
Vốn bổ sung của IFC dành cho SME	2.300	3.450	3.450	3.000*
Khả năng đáp ứng (%) nhu cầu vốn từ nguồn vay của IFC	30%	38%	32%	24%

(\*): Thời điểm ABBANK bắt đầu trả nợ gốc của khoản vay

Theo số liệu của bảng trên, nguồn vốn huy động từ phân khúc SME hiện mới chỉ có thể đáp ứng một phần nhu cầu tài trợ vốn cho phân khúc này. Vì vậy, Ngân hàng vẫn phải tìm kiếm thêm các nguồn vốn khác để hỗ trợ nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp SME. Thông qua việc nhận khoản tài trợ vốn đến 150 triệu USD thời hạn 5 năm, ABBANK có thể đáp ứng được trung bình 31% nhu cầu vốn cần tài trợ phân khúc SME. Đây là nguồn bổ sung vốn tài trợ quan trọng cho Ngân hàng để có thể hỗ trợ nhóm doanh nghiệp SME từ nay đến 2020.

#### 3.2 Kế hoạch giải ngân

- Theo dự kiến, khoản vay 100 triệu USD từ IFC sẽ được giải ngân trong tháng 10/2017 để tài trợ, tái tài trợ cho nhu cầu vốn của các khách hàng SME, trong đó tối thiểu 30 triệu USD được tài trợ cho SME có chủ doanh nghiệp là nữ.
- Trường hợp đã sử dụng hết khoản giải ngân 100 triệu USD nói trên và ABBANK tiếp tục có nhu cầu vốn thì sẽ được sử dụng Hợp phần quyền chọn trị giá 50 triệu USD, dự kiến sẽ được giải ngân vào Quý II/ 2018.

### 3.3 Tiến độ trả nợ

- Khoản tài trợ được chia thành 6 kỳ trả nợ, mỗi kỳ cách nhau 6 tháng, bắt đầu trả sau hai năm kể từ ngày giải ngân. Đối với lãi vay, ABBANK sẽ thanh toán định kỳ dự kiến vào tháng 3 và tháng 9 hàng năm. Theo đó, kỳ trả nợ đầu tiên cho IFC sẽ bắt đầu từ 3/2020 và các năm 2020, 2021 và 2022 mỗi năm sẽ phát sinh 2 kỳ trả nợ
- Số nợ gốc phải trả cho IFC chiếm khoảng từ 2% - 3% dư nợ của nhóm SME hàng năm, tuy nhiên phần trả nợ gốc này sẽ không gây ảnh hưởng tiêu cực đến danh mục cho vay của ngân hàng. Nguồn trả nợ của khoản vay với IFC lấy từ nguồn trả nợ của khách hàng SME mà ABBANK đã giải ngân và dự phòng rủi ro (nếu cần).

## 4. Đánh giá hiệu quả kinh doanh từ khoản vay dự kiến:

### 4.1 Số liệu chênh lệch giữa lãi cho vay và tổng chi phí huy động:

➤ Khoản vay 100 triệu USD (Đợt 1 - Ký và giải ngân trong tháng 10/2017)

*Đơn vị tính: Tỷ lệ % trên Giá trị khoản vay*

	2018	2019	2020	2021	2022
<i>Libor 6 tháng trung bình bằng USD (dự kiến)</i>	1,95%	2,70%	3,13%	3,13%	3,13%
<i>Biên lãi suất vay bằng USD</i>	3%	3%	3%	3%	3%
<i>Phí front-end (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,395%	0,395%	0,197%	-	-
<i>Phí quản lý đối tác (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,015%	0,015%	0,015%	0,015%	0,015%
<i>Phí hợp vốn (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,178%	0,178%	0,089%	-	-
<i>Phí Connection with a secure Web-based (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,004%	0,004%	0,002%	-	-
<i>Phí Monitoring (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,005%	0,005%	0,005%	0,005%	0,005%
<i>Phí luật sư (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,026%	0,026%	0,013%	-	-
<b><i>Tổng chi phí vay từ IFC (USD)</i></b>	<b>5,57%</b>	<b>6,32%</b>	<b>6,45%</b>	<b>6,15%</b>	<b>6,15%</b>
<i>Chi phí Swap USD sang VND</i>	2,7%	2,7%	2,7%	2,7%	2,7%
<i>Chi phí trích lập dự phòng(*)</i>	0,75%	0,75%	0,75%	0,75%	0,75%
<i>Phí rebate WSME do IFC trả (Quy đổi ra lãi suất thường hàng năm)**</i>	0,14%	0,15%	0,14%	0,09%	0,04%
<b><i>Tổng chi phí cuối cùng ABBANK phải trả tính bằng VND</i></b>	<b>8,88%</b>	<b>9,62%</b>	<b>9,76%</b>	<b>9,51%</b>	<b>9,56%</b>
<b><i>Lãi suất dự kiến cho vay trung và dài hạn đối với khách hàng SME bằng VND</i></b>	<b>11,5%</b>	<b>12,0%</b>	<b>12,3%</b>	<b>12,6%</b>	<b>12,6%</b>
<b><i>Chênh lệch lãi suất cho vay và tổng chi phí huy động của ABBANK tính bằng VND</i></b>	<b>2,62%</b>	<b>2,38%</b>	<b>2,54%</b>	<b>3,09%</b>	<b>3,04%</b>

014  
AN  
JON  
O P  
NI  
T.P

➤ Khoản vay 50 triệu USD (Đợt 2 khi có nhu cầu tiếp - Ký và giải ngân trong QII/2018)

Đơn vị tính: Tỷ lệ % trên Giá trị khoản vay

	2018	2019	2020	2021	2022
<i>Libor 6 tháng trung bình bằng USD (dự kiến)</i>	1,95%	2,70%	3,13%	3,13%	3,13%
<i>Biên lãi suất vay bằng USD</i>	3%	3%	3%	3%	3%
<i>Phí front-end (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,395%	0,395%	0,197%	-	-
<i>Phí hợp vốn (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,296%	0,296%	0,148%	-	-
<i>Phí luật sư (Quy đổi ra lãi suất hàng năm)</i>	0,010%	0,010%	0,005%	-	-
<b><i>Tổng chi phí vay từ IFC bằng USD</i></b>	<b>5,65%</b>	<b>6,40%</b>	<b>6,48%</b>	<b>6,13%</b>	<b>6,13%</b>
Chi phí Swap USD sang VND	2,7%	2,7%	2,7%	2,7%	2,7%
Chi phí trích lập dự phòng (***)	0,75%	0,75%	0,75%	0,75%	0,75%
Phí rebate WSME do IFC trả (Quy đổi ra lãi suất thường hàng năm)(****)	0,06%	0,11%	0,15%	0,11%	0,08%
<b><i>Tổng chi phí cuối cùng ABBANK phải trả tính bằng VND</i></b>	<b>9,04%</b>	<b>9,74%</b>	<b>9,78%</b>	<b>9,47%</b>	<b>9,50%</b>
<b><i>Lãi suất dự kiến cho vay trung và dài hạn đối với khách hàng SME bằng VND</i></b>	<b>11,5%</b>	<b>12,0%</b>	<b>12,3%</b>	<b>12,6%</b>	<b>12,6%</b>
<b>Chênh lệch lãi suất cho vay và tổng chi phí huy động của ABBANK tính bằng VND</b>	<b>2,46%</b>	<b>2,26%</b>	<b>2,52%</b>	<b>3,13%</b>	<b>3,10%</b>

**Ghi chú:**

- **Cơ sở tính lãi cho vay đối với SME:**
  - Tính đến hết tháng 08/2017, lãi suất cho vay trung và dài hạn bằng VNĐ trung bình đối với khách hàng SME của ABBANK là khoảng 11,5%/năm (so với các ngân hàng cùng quy mô, mức lãi suất trung bình hiện tại đang dao động từ 10,5% - 14%/năm thì mức lãi suất cho vay của ABBANK khá cạnh tranh).
  - Ngoài ra, kết hợp với việc đẩy mạnh tăng trưởng quy mô đối với phân khúc khách hàng SME thông qua ban hành các sản phẩm cho vay đột phá mới, dự kiến lãi suất cho vay bình quân trong những năm tới sẽ dao động từ 12,3% - 12,6%/năm.
- **(\*) (\*\*\*) Chi phí trích lập dự phòng:** Khoản chi phí trích lập dự phòng (0,75%) trên tổng dư nợ cho vay sẽ được hoàn nhập và tính vào thu nhập của ABBANK khi các khoản cho vay đã được khách hàng tất toán hoàn trả đầy đủ.
- **(\*\*) (\*\*\*\*) Phí hoàn lại (rebate) WSME:**
  - Theo thỏa thuận, ABBANK sẽ nhận được phí rebate khi giải ngân tối thiểu 30% giá trị khoản vay cho các doanh nghiệp SME có chủ doanh nghiệp là nữ.
  - Phí rebate (quy ra lãi suất thường hàng năm) được tính trên giả thiết ABBANK sẽ giải ngân hết số vốn đã cam kết cho các doanh nghiệp SME có chủ doanh nghiệp là nữ và số liệu về phí rebate mà ABBANK dự kiến sẽ nhận được do IFC cung cấp.

#### **4.2 Lợi ích tài chính**

- Khi sử dụng nguồn vốn này để kinh doanh, ABBANK sẽ được hưởng mức chênh lệch lãi suất bình quân trong 5 năm là khoảng 2,7%.
- Việc nhận vốn vay từ các Hợp phần trong hợp đồng này tuân theo đúng kịch bản tăng vốn đề ra cho chiến lược phát triển giai đoạn năm 2017 - 2018.
- ABBANK sẽ có nguồn vốn đủ để đáp ứng nhu cầu mở rộng các hoạt động kinh doanh, cho vay trung và dài hạn của ABBANK, đặc biệt là đối với phân khúc khách hàng SME theo đúng lộ trình phát triển SME và bán lẻ.

Việc có thêm nguồn vốn dài hạn là điều kiện thuận lợi để ABBANK đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn an toàn vốn theo Basel II và các quy định về tỷ lệ an toàn theo quy định của Thông tư 36 và các văn bản liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

#### **4.3 Lợi ích phi tài chính**

IFC là tổ chức tài chính lớn và uy tín trên thế giới, việc ABBANK được cấp khoản vay không cần tài sản bảo đảm từ IFC có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của ABBANK, cụ thể:

- Qua việc đáp ứng các yêu cầu thẩm định vay vốn khắt khe của IFC, ABBANK sẽ củng cố được hình ảnh và uy tín trên thị trường ngân hàng trong và ngoài nước.
- Tạo tiền đề vững chắc để ABBANK huy động vốn trên thị trường trong tương lai, nhất là khi ngân hàng chuẩn bị niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.

### **5. Đánh giá rủi ro và biện pháp quản lý**

Các đơn vị liên quan của ABBANK cũng đã phối hợp tiến hành phân tích, đánh giá các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn này trong đó có rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và các rủi ro khác (như rủi ro tiến độ rút vốn, khả năng hấp thụ hết nguồn vốn giải ngân, nợ quá hạn...). Đồng thời, trên cơ sở đánh giá các rủi ro nêu trên và tùy theo từng loại rủi ro khác nhau, các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp cũng đã được tính đến đầy đủ nhằm chủ động quản lý, xử lý bảo đảm an toàn và hiệu quả sử dụng vốn.

### **6. Đề nghị phê duyệt**

Đánh giá tổng quan, khoản vay sẽ mang lại cho ABBANK các lợi ích tài chính và phi tài chính và có tính khả thi. Các yếu tố rủi ro của khoản vay đã được dự liệu trong quá trình xem xét và đàm phán với IFC cũng như quá trình đánh giá nội bộ của ABBANK.

Đây là khoản vay có trị giá lớn trên 20% vốn điều lệ của ABBANK và giao dịch với cổ đông lớn của Ngân hàng là IFC. Căn cứ qui định tại điểm o Khoản 1 Điều 31 Điều lệ ABBANK, khoản vay này phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Kính đề nghị Quý cổ đông ABBANK phê duyệt khoản vay với các điều kiện chính:

- Giá trị khoản vay: 100 - 150 triệu USD
- Lãi suất: Libor 6 tháng + tối đa 3% / năm
- Kỳ hạn: 5 năm
- Bên thu xếp vốn: IFC

Đồng thời, kính đề nghị quý cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện giao dịch vay vốn với IFC để phục vụ tăng trưởng kinh doanh, bảo đảm an toàn trong sử dụng vốn vay và thực hiện đầy đủ các cam kết với đối tác. Hội đồng quản trị được quyền quyết định về các điều kiện phụ, các chi phí pháp lý và thông lệ cũng như các vấn đề khác phát sinh trong quá trình thương lượng, ký kết và thực hiện giao dịch vay; hoàn tất các hồ sơ, thủ tục theo qui định của Ngân hàng Nhà nước và cơ quan thẩm quyền liên quan để thực hiện giao dịch.

## 7. Biểu quyết

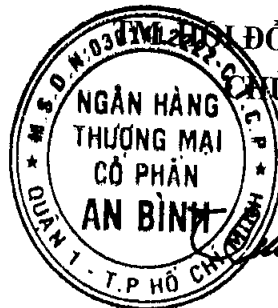
7.1 Quý cổ đông điền đầy đủ thông tin cổ đông trên Phiếu biểu quyết (được gửi kèm hoặc cổ đông có thể lấy từ website ABBANK), ký và ghi rõ họ tên tại 01 trong các ô trống thể hiện phương án biểu quyết do cổ đông lựa chọn (Đồng ý/Không đồng ý/Không có ý kiến) sau đó gửi lại Phiếu biểu quyết cho ABBANK theo một trong 3 cách thức sau đây:

- a) Cổ đông scan hoặc chụp hình Phiếu biểu quyết, gửi về một trong các địa chỉ email: [phuongnth@abbank.vn](mailto:phuongnth@abbank.vn); [trangluong@abbank.vn](mailto:trangluong@abbank.vn); [uyenlt@abbank.vn](mailto:uyenlt@abbank.vn), hoặc
- b) Fax về số: 028 38244759, hoặc
- c) Gửi thư bưu điện về Văn phòng Hội đồng Quản trị ABBANK, 170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh (ngoài bì ghi: Phiếu biểu quyết của cổ đông).

7.2 Thời hạn biểu quyết: vì tính cấp bách và quan trọng của giao dịch, kính đề nghị Quý cổ đông quan tâm và thực hiện biểu quyết **trước ngày 03/10/2017**.

7.3 Mọi thắc mắc xin liên hệ Văn phòng Hội đồng Quản trị ABBANK: TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (028) 38244855, máy lẻ 1841/1845; Hà Nội: (024) 22166786.

Trân trọng cảm ơn Quý cổ đông.



Vũ Văn Tiên